

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-PT  
Ngày 03-01-2023  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2022/QĐ-PT ngày 08/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 250/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 413/2022/QĐ-PT ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1937; địa chỉ: khu phố 3, phường B, thị xã C, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Ông Mai Tiến L, sinh năm 1986; địa chỉ: số 25, đường GS1, khu phố TB, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Đại B, sinh năm 1997; địa chỉ: số 25, đường GS1, khu phố TB, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1972; địa chỉ: số 115 đường Trần Phú, phường B, thị xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 10, khu phố P, phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1980; địa chỉ: số 198/6, Man Thiện, tổ 9, khu phố 5, phường T, thành phố TH, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu Nguyễn Thanh B, sinh năm 2009;

2. Cháu Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2012;

Cùng địa chỉ: khu phố 3, phường B, thị xã C, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện hợp pháp*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988 (mẹ ruột); địa chỉ: tổ 10, khu phố P, phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Lê Đình H, sinh năm 1947;

2. Bà Đào Thị N, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã TL, huyện PG, tỉnh Bnh Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Thu S; địa chỉ: số 47, đường ĐT744, khu phố P, phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

4. Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1986; địa chỉ: số 27/10, đường Nguyễn Văn Thành, khu phố 1, phường Tân Định, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

5. Bà Phan Thị Kim A; địa chỉ: đường ĐT 741, khu phố P, phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

6. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: số 357, đường Phạm Ngọc Thạch, phường PM, thành phố T, tỉnh Bnh Dương.

7. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường DJ5, khu phố 3B, phường Thới Hòa, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

8. Ông Nguyễn Thái B; địa chỉ: số 227, khu phố T, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bnh Dương.

9. Ông Hà Văn K; địa chỉ: khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bnh Dương.

10. Ông Nguyễn Quang Ch, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 6, khu phố P, phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương.

11. Ông Hồ Minh L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Xóm Lớn B, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bnh, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Hoàng Thị K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đại B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị K và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà K là mẹ ruột của ông Nguyễn Bá L sinh năm 1977, chết ngày 30/9/2019 theo bản sao trích lục khai tử số 1972/TLKT-BS (do UBND phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương cấp ngày 03/12/2019), chồng bà K là ông Nguyễn Văn Nghinh (chết ngày 03/6/2009). Lúc ông L còn sống có chung sống, đăng ký kết hôn với bà Lê Thị T, sinh được 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 13/7/2012.

Di sản do ông L để lại gồm có:

- $\frac{1}{2}$  (một nửa) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất của thửa số 1064, tờ bản đồ 27-2, diện tích 121m<sup>2</sup> tại phường Định Hòa, thành phố T, tỉnh Bnh Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (viết tắt GCNQSDĐ, QSHNO) và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 925910, số vào sổ cấp GCN: CS07249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bnh Dương cấp ngày 27/02/2018.

- $\frac{1}{2}$  (một nửa) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất của thửa số 67, tờ bản đồ 42, diện tích 107,5m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bnh Dương, theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CP601773, số vào sổ cấp GCN: CS07194 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bnh Dương cấp ngày 17/5/2019.

- $\frac{1}{2}$  (một nửa) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất của thửa số 1055, tờ bản đồ 37, diện tích 95m<sup>2</sup> tại phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương, theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BY272230, số vào sổ cấp GCN: CS06356 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bnh Dương cấp ngày 09/6/2015.

- $\frac{1}{2}$  (một nửa) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất của thửa số 770, tờ bản đồ 37, diện tích 86m<sup>2</sup> tại phường H, thị xã BC, tỉnh Bnh Dương, theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN587299, số vào sổ cấp GCN: CH04563 do UBND huyện (nay là thị xã) BC cấp ngày 14/3/2013.

Tổng giá trị toàn bộ di sản mà ông L chết để lại khoảng 3.000.000.000 đồng (tạm tính tại đơn khởi kiện).

Ông L chết, không để lại di chúc. Gia đình không thống nhất, thỏa thuận được việc phân chia di sản nên phát sinh tranh chấp. Nay bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu được hưởng  $\frac{1}{4}$  giá trị đối với 04 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất nêu trên và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị K có đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2021 (do ông Mai Tiến L gửi Bưu điện từ thành phố D ngày 25/3/2021).

Tại đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn tranh chấp thừa kế đối với số tiền 730.000.000 đồng do ông Nguyễn Bá L chuyển khoản cho bà Lê Thị T vào ngày 27/8/2019. Số tiền này được chuyển với mục đích nhờ bà Lê Thị T cất tiền cho các con, nên nội dung chuyển khoản đã ghi là “CT” (viết tắt của từ cất tiền). Nay nguyên đơn có yêu cầu được hưởng thừa kế  $\frac{1}{4}$  giá trị của số tiền này (tương đương 182.500.000 đồng).

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản và không yêu cầu đo đạc, định giá lại tài sản. Đối với diện tích đất của 02 thửa đất tại phường H, thị xã BC qua đo đạc thực tế có thay đổi, tuy nhiên vẫn trong phạm vi thửa đất được cấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật. Đồng thời, nguyên đơn cũng tự nguyện giao phần nhà đất và các tài sản trên đất thuộc thửa số 1064, tờ bản đồ 27-2, tại phường Định Hòa, thành phố T cho các cháu Nguyễn Thanh B và Nguyễn Hoàng D được nhận thừa kế và không yêu cầu các cháu phải hoàn lại giá trị chênh lệch do nhận vượt quá kỹ phần tương ứng.

Nguyên đơn có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì lời khai của bị đơn có mâu thuẫn về thời điểm sửa nhà và xây nhà. Toàn bộ các căn nhà trên các thửa đất đều được xây dựng từ trước khi ông Nguyễn Bá L chết. Các chi phí sửa chữa, xây dựng mới do những người làm chứng trình bày và xuất trình là không khách quan. Các hóa đơn bán lẻ không được lập theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được nhận thừa kế bằng hiện vật đề nguyên đơn có điều kiện được gần gũi, chăm sóc các cháu nội là Bnh và Dương.

*Bị đơn trình bày:*

Bị đơn thống nhất về quan hệ huyết thống của ông L; thời điểm ông L, bà Lê Thị T chung sống, thời điểm ông L chết; bà Lê Thị T và ông L cùng tạo lập được 04 bất động sản nêu trên tại thị xã BC và thành phố T. Tuy nhiên, trên thực tế sau khi ông L chết, để trang trải nuôi 02 con thì bà Lê Thị T đã có sửa chữa, xây dựng thêm như sau:

Đối với thửa số 1055, tờ bản đồ số 37 tại phường H, thị xã BC, vào thời điểm ông L còn sống thì vợ chồng chỉ cùng xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất. Sau khi ông L chết, Bà Lê Thị T đã vay mượn cha mẹ ruột (ông Hợi, bà Ngọ) để xây dựng các căn nhà trọ trên phần còn lại của thửa này vào năm 2020, nên các căn nhà trọ này không phải là di sản do ông L để lại.

Đối với căn nhà trên thửa số 67, tờ bản đồ số 42 tại phường Hòa Phú, thành phố T thì căn nhà này được bà và ông L cùng xây dựng. Sau khi ông L chết, căn nhà bị xuống cấp nặng, nên bà đã vay mượn cha mẹ ruột tiền để sửa chữa căn nhà này vào năm 2020, nhằm mục đích cho thuê, lấy tiền nuôi các con.

Tổng số tiền bà Lê Thị T mượn cha mẹ ruột bà là 1.000.000.000 đồng và có lập giấy tờ vay mượn.

Bị đơn đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật sau khi xác định đúng phần di sản của ông L. Bị đơn đồng ý chia thừa kế bằng tiền cho nguyên đơn chứ không đồng ý chia bằng hiện vật do nguyên đơn đã lớn tuổi, đã sống ổn định ngoài quê (tỉnh Thanh Hóa) và nguyên đơn cũng không có nhu cầu sử dụng nhà đất đang tranh chấp.

Đối với phần diện tích đo đạc thực tế tại 02 thửa đất thuộc phường H, thị xã BC thì bị đơn không có ý kiến. Ranh mốc 02 thửa đất này đã có tường xây phân ranh với các hộ liên ranh và không ai có ý kiến tranh chấp.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản và không yêu cầu đo đạc, định giá lại tài sản.

Đồng thời, bị đơn cũng tự nguyện giao phần nhà đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 1064, tờ bản đồ 27-2, tại phường Định Hòa, thành phố T cho các cháu Nguyễn Thanh B và Nguyễn Hoàng D được nhận thừa kế và không yêu cầu các cháu phải hoàn lại giá trị chênh lệch do nhận vượt quá kỷ phần tương ứng theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà Lê Thị T là mẹ ruột, là người đại diện hợp pháp sẽ đại diện cho cháu B và cháu D quản lý, sử dụng thửa đất số 1064, tờ bản đồ 27-2 cùng toàn bộ tài sản trên đất. Bà Lê Thị T cam kết sẽ chuyển quyền sở hữu, sử dụng nhà đất này cho các cháu H và D khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bị đơn chỉ đồng ý chia thừa kế và hoàn giá trị bằng tiền cho nguyên đơn. Bị đơn có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ các khoản chi phí mà bị đơn thực tế đã bỏ ra sửa chữa, xây dựng mới trước khi tiến hành chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, do đã vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu.

*Người làm chứng ông Lê Đình H và bà Đào Thị N trình bày:*

Ông bà là cha mẹ ruột của bà Lê Thị T. Ngày 07/02/2020, bà Lê Thị T có mượn ông bà số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) để sửa chữa, xây cất nhà và làm nhà trọ, tạo thêm thu nhập để nuôi các con. Việc vay mượn có làm giấy tờ vay mượn. Ông bà cam đoan lời khai của ông bà là đúng sự thật và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Bà là Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Vận tải Phụng L. Từ khoảng tháng 3 đến tháng 11/2020, bà Lê Thị T có đến cửa hàng vật liệu xây dựng và nhờ Công ty bà vận chuyển nhiều lần đến 02 địa điểm khu phố P, phường H, thị xã BC và khu phố 1, phường Hòa Phú, thành phố T. Tổng giá trị vật liệu xây dựng mà bà Lê Thị T đã mua của Công ty là 115.805.000 đồng (trong đó, số vật liệu xây dựng tại phường Hòa Phú 63.027.000 đồng; số vật liệu xây dựng tại phường H 92.778.000 đồng). Bà Lê Thị T là người trực tiếp giao dịch và thanh toán tiền mua bán cho chúng tôi. Bà cam đoan lời khai là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị Như H trình bày:*

Bà là nhân viên Công ty TNHH Hiền Long Phát. Khoảng giữa năm 2020, bà Lê Thị T có đến Công ty để mua vật liệu xây dựng. Bà Lê Thị T có nhờ Công ty vận chuyển đến 02 địa điểm khu phố P, phường H, thị xã BC và khu phố 1, phường Hòa Phú, thành phố T. Tổng giá trị vật liệu xây dựng mà bà Lê Thị T đã mua của Công ty là 50.617.000 đồng (trong đó, số vật liệu xây dựng tại phường Hòa Phú 38.206.000 đồng; số vật liệu xây dựng tại phường H 12.411.000 đồng). Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Người làm chứng bà Phan Thị Kim A trình bày:*

Bà là chủ Cơ sở vật liệu xây dựng Kim Anh. Đầu tháng 3/2020, bà Lê Thị T có mua vật liệu xây dựng của bà Anh. Bà Anh đã vận chuyển vật liệu xây dựng đến khu phố P, phường H và khu phố 1, phường Hòa Phú. Tổng số tiền vật liệu xây dựng bà Lê Thị T mua từ cơ sở vật liệu xây dựng của bà Anh là 48.000.000 đồng. Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Người làm chứng bà Đinh Thị T trình bày:*

Bà là nhân viên bán hàng của Cửa hàng vật liệu xây dựng Phát Đạt. Vào khoảng giữa năm 2020, bà Lê Thị T có đến cơ sở để mua vật tư, thiết bị vệ sinh để phục vụ cho việc xây dựng, sửa chữa nhà và công trình của bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T có nhờ cơ sở vận chuyển đến 02 địa điểm khu phố P, phường H, thị xã BC và khu phố 1, phường Hòa Phú, thành phố T. Tổng giá trị vật liệu xây dựng mà bà Lê Thị T đã mua của cơ sở là 60.096.000 đồng (trong đó, số vật liệu tại phường Hòa Phú 48.666.000 đồng; số vật liệu tại phường H 11.430.000 đồng). Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*Người làm chứng ông Hoàng Văn H trình bày:*

Ông là thợ gia công các sản phẩm từ nhôm kính. Khoảng năm 2020, bà Lê Thị T có nhu cầu làm cửa nhôm kính cho 03 căn phòng trọ tại phường H, thị xã BC (với giá 18.800.000 đồng) và nhà ở tại phường Hòa Phú, thành phố T (với giá 61.000.000 đồng). Tổng giá trị vật liệu và thi công của cả 02 căn nhà là 79.800.000 đồng. Bà Lê Thị T là người trực tiếp thuê ông thi công và đã thanh toán toàn bộ tiền cho ông. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*Người làm chứng ông Nguyễn Thái B trình bày:*

Ông là thợ cơ khí, nhận gia công, thi công các công trình từ sắt, thép, tôn... Vào khoảng giữa năm 2020, bà Lê Thị T có đề nghị ông thi công hàng rào, cổng sắt và làm mái che cho các công trình nhà trọ và nhà ở. Địa chỉ thi công là 03 căn nhà trọ tại phường H, thị xã BC (giá 29.000.000 đồng) và căn nhà tại khu phố 1, phường Hòa Phú (giá 21.959.000 đồng). Bà Lê Thị T đã thanh toán đủ cho ông 02 khoản tiền này. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*Người làm chứng ông Hà Văn K trình bày:*

Ông là giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Trần thạch cao Hà Gia. Vào khoảng giữa năm 2020, bà Lê Thị T có đề nghị Công ty ông thi công trần thạch cao cho nhà ở và nhà trọ. Địa chỉ thi công là 03 căn nhà trọ tại phường H, thị xã BC (giá 6.500.000 đồng) và căn nhà tại khu phố 1, phường Hòa Phú (giá 12.064.000 đồng). Bà Lê Thị T đã thanh toán đủ cho ông 02 khoản tiền này. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*Người làm chứng ông Nguyễn Quang Ch trình bày:*

Ông chuyên nhận thi công các công trình xây dựng, làm mái che, mái nhà... Vào khoảng giữa năm 2020, bà Lê Thị T có đề nghị ông làm mái nhà, mái che lan can, mái che sân thượng cho các công trình là căn nhà ở phường Hòa Phú và mái nhà cho các căn nhà trọ ở phường H. Tổng giá trị thi công là 68.000.000 đồng. Bà Lê Thị T đã thanh toán đủ cho ông số tiền này. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*Người làm chứng ông Hồ Minh L trình bày:*

Vào tháng 01 (âm lịch) của năm 2020, bà Lê Thị T có thuê ông sửa chữa căn nhà có kết cấu 01 trệt 01 lầu thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 42 tại phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian thi công khoảng hơn 02 tháng. Tổng số tiền công sửa chữa là 160.000.000 đồng. Các bên không lập hợp đồng cụ thể mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Bà Lê Thị T đã thanh toán xong cho ông số tiền 160.000.000 đồng. Toàn bộ vật liệu xây dựng đều do bà Lê Thị T tự bỏ tiền ra mua. Vào tháng 4 (âm lịch) của năm 2020, bà Lê Thị T có tiếp tục giao kết hợp đồng thi công nhà trọ với ông (bằng lời nói). Công trình được thi công phía sau của thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 37, tại phường H, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (phía trước thửa đất đã tồn tại sẵn 01 kiot từ trước). Tổng số phòng trọ thi công là 03 phòng. Tổng số tiền thi công là 170.000.000 đồng. Bà Lê Thị T đã thanh toán đủ cho ông số tiền này. Toàn bộ vật liệu xây dựng đều do bà Lê Thị T tự bỏ tiền ra mua. Ngoài ra, ông không còn thông tin gì để cung cấp thêm cho Tòa án. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Ông có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bnh Dương, đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 104, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 136, 141, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 8, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 13 Điều 3, Điều 33, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị K với bị đơn bà Lê Thị T về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”, như sau:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị K được nhận di sản thừa kế với số tiền là 407.173.889 đồng. Bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Hoàng Thị K số tiền 407.173.889 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị T được nhận di sản thừa kế với giá trị tương đương là 407.173.889 đồng.

- Cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 13/7/2012 cùng được nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 121m<sup>2</sup> (60m<sup>2</sup> ODT và 61m<sup>2</sup> BHK) và các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 86,4m<sup>2</sup>; 54,48m<sup>2</sup> hàng rào tường xây gạch không tô; 02 trụ cổng (mỗi trụ đều có thể tích là 0,384m<sup>3</sup>) và 01 bồn nước inox trụ bê tông. Nhà đất thuộc thửa số 1064, tờ bản đồ số 27-2, tọa lạc tại phường Định Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn bà Lê Thị T (là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thanh B và cháu Nguyễn Hoàng D) được quyền tiếp tục quản lý đối với phần di sản mà cháu B và cháu Dương được hưởng. Bà Lê Thị T được quyền sử dụng tài sản này nhằm mục đích chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của cháu Bnh và cháu Dương. Khi cháu Nguyễn Thanh B và cháu Nguyễn Hoàng D đủ 18 tuổi thì bà Lê Thị T có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần di sản của cháu B và cháu Dương được hưởng.

2. Bị đơn bà Lê Thị T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin, đăng ký kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với:

- Thửa số 67, tờ bản đồ 42, diện tích 107,5m<sup>2</sup> (đất ODT) tại phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trên đất có các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 3 với diện tích sàn 164,63m<sup>2</sup>; 34,56m<sup>2</sup> mái che sân thượng; 15,12m<sup>2</sup> mái che trước cửa nhà; 23,67m<sup>2</sup> hàng rào cổng sắt; 02 trụ cổng (mỗi trụ đều có kích thước 0,689m<sup>3</sup>).

- Thửa số 1055, tờ bản đồ 37, diện tích đo đạc thực tế là 104,9m<sup>2</sup> (60m<sup>2</sup> ODT và 44m<sup>2</sup> CLN) tại phường H, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Trên đất có các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 25,2m<sup>2</sup>; dãy nhà trọ, diện tích 60,5m<sup>2</sup>.

- Thửa số 770, tờ bản đồ 37, diện tích đo đạc thực tế 93,6m<sup>2</sup> (61m<sup>2</sup> đất ODT và 32,6m<sup>2</sup> đất CLN) tại phường H, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Trên đất có tài sản sau: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 82m<sup>2</sup>.

3. Bị đơn bà Lê Thị T (là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hoàng D và cháu Nguyễn Thanh B) được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin, đăng ký kê khai, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với: Thửa số 1064, tờ bản đồ số 27-2, diện tích đất 121m<sup>2</sup> (60m<sup>2</sup> đất ODT và 61m<sup>2</sup> đất BHK) và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 86,4m<sup>2</sup>. Nhà đất tọa lạc phường Định Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương.



(Có các sơ đồ kèm theo bản án).

4. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và các cơ quan liên quan thu hồi, điều chỉnh đối với các GCNQSDĐ sau: CS07249 ngày cấp 27/02/2018; CS07194 ngày cấp 17/5/2019; CS06356 ngày cấp 09/6/2015 và cấp lại cho đương sự, cho phù hợp với hiện trạng, hình thể và diện tích thực tế đang sử dụng.

5. Kiến nghị UBND thị xã BC và các cơ quan liên quan thu hồi, điều chỉnh đối với GCNQSDĐ số CH04563 ngày 14/3/2013 và cấp lại cho đương sự để phù hợp với hiện trạng, hình thể và diện tích thực tế đang sử dụng.

(Có các sơ đồ kèm theo bản án).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 19/6/2022 nguyên đơn bà Hoàng Thị K và ngày 20/6/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đại B, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của cháu Nguyễn Thanh B, cháu Nguyễn Hoàng D là bà Lê Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Mai Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đại B và bà Nguyễn Thị Phương L xác định chỉ kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc bà Hoàng Thị K được nhận di sản thừa kế với số tiền là 407.173.889 đồng, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được nhận nhận di sản thừa kế với số tiền là 615.381.250 đồng, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo. Xét, đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án sơ thẩm có kháng cáo của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bảo và bà Liên, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Ninh thống nhất thỏa thuận:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị K được nhận di sản thừa kế với số tiền 615.381.250 đồng. Bị đơn bà Lê Thị T đồng ý thanh toán cho nguyên đơn bà Hoàng Thị K số tiền 615.381.250 đồng. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm, các đương sự đều không có kháng cáo.

Xét, thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận nêu trên.

Từ những phân tích trên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí theo quy định (trừ bà K, cháu B, cháu D được miễn nộp do là người cao tuổi và là người chưa đủ 18 tuổi).

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo được miễn nộp (do là người cao tuổi có đơn xin miễn, giảm án phí).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị K, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đại B.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương, như sau:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị K được nhận di sản thừa kế với số tiền 615.381.250 đồng (sáu trăm mười lăm triệu ba trăm Lê Thị T mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Hoàng Thị K số tiền 615.381.250 đồng (sáu trăm mười lăm triệu ba trăm Lê Thị T mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị K được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bnh Dương;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- TAND thị xã BC;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên Hằng**